

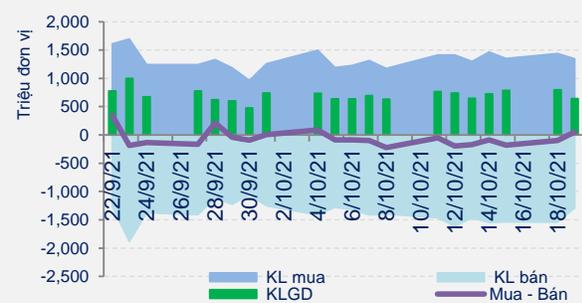
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/10/2021

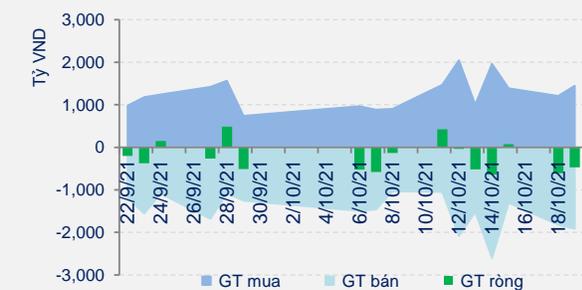
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,395.33	387.00
% Thay đổi	↓ -0.01%	↑ 0.55%
KLGD (CP)	641,149,345	115,250,437
GTGD (tỷ đồng)	20,385.55	2,574.43
Tổng cung (CP)	1,289,824,000	167,014,400
Tổng cầu (CP)	1,343,643,400	155,865,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,888,554	1,071,420
KL mua (CP)	31,250,200	775,761
GT mua (tỷ đồng)	1,447.80	15.65
GT bán (tỷ đồng)	1,916.08	27.64
GT ròng (tỷ đồng)	(468.28)	(11.99)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.09%	24.9	4.0	1.6%
Công nghiệp	↓ -0.27%	19.9	3.0	10.4%
Dầu khí	↑ 0.28%	18.5	2.1	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.68%	-	4.8	5.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.23%	17.7	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.40%	21.3	4.2	6.7%
Ngân hàng	↑ 0.17%	11.5	2.1	14.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.54%	14.3	3.0	23.7%
Tài chính	↑ 0.46%	18.3	3.2	33.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.07%	17.8	3.2	2.3%
VN - Index	↓ -0.01%	17.2	2.8	
HNX - Index	↑ 0.55%	22.7	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index giảm 0,2 điểm (-0,01%) xuống 1.395,33 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 206 mã tăng, 50 mã tham chiếu, 248 mã giảm. HNX-Index tăng 2,12 điểm (+0,55%) lên 387 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 140 mã tăng, 50 mã tham chiếu, 103 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 713 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 20.592 tỷ đồng. Thị trường giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau và kết phiên trong sắc đỏ nhẹ. Nhiều cổ phiếu lớn như GAS (-1,7%), HPG (-1,2%), VIC (-0,2%), SAB (-0,9%), MSN (-1,4%), MWG (-0,8%), PNJ (-1%)... hay các cổ phiếu ngân hàng như MBB (-0,7%), NVB (-1%), VIB (-0,4%), LPB (-1,4%), HDB (-1%), BVB (-1,8%)... đều giảm đã tạo áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Bên cạnh đó, các cổ phiếu thép như HSG (-1,1%), TLH (-1,7%), VGS (-1,2%), TVN (-2,1%)..., dầu khí như BSR (-0,4%), PVD (-0,8%), PVS (-1%), OIL (-0,6%), PVC (-1,6%)... cũng điều chỉnh trong phiên hôm nay sau chuỗi phiên tăng khá tốt nhờ kỳ vọng hưởng lợi từ giá hàng hóa. Ở chiều ngược lại, nhóm chứng khoán tiếp tục là điểm sáng trong phiên giao dịch với nhiều mã tăng như VCI (+1,1%), SSI (+0,1%), VND (+0,9%), VIX (+2,8%), HCM (+0,8%), ORS (+0,7%)... Bên cạnh đó, các cổ phiếu bảo hiểm cũng tăng mạnh như BVH (+3%), PVI (+7,5%), BMI (+4,3%), MIG (+6,8%), ABI (+6,2%), VNR (+2,6%)... Nhóm phân bón cũng giao dịch khá tích cực với hàng loạt mã tăng như DPM (+6,7%), DCM (+4,5%), LAS (+1,6%), BFC (+3,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường giằng co trong phiên hôm nay và kết phiên với mức giảm rất nhẹ, thanh khoản suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại. Đây là đã phiên thứ sáu liên tiếp mà chỉ số VN-Index thất bại trước ngưỡng 1.400 điểm. Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với gần 500 tỷ đồng trên hai sàn cũng tạo ra áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn có khả năng tăng qua ngưỡng cản tâm lý 1.400 điểm tuy nhiên cần thêm lực cầu đủ mạnh để vượt qua áp lực bán thường xuyên xuất hiện như những phiên vừa qua. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **19/10/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.399,66 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.388,95 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 0,2 điểm (-0,01%) xuống 1.395,33 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 2.000 đồng, HPG giảm 700 đồng, MSN giảm 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 750 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 383,81 điểm. Nhưng lực cầu xuất hiện sau đó giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 388 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,12 điểm (+0,55%) lên 387 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVI tăng 3.500 đồng, HUT tăng 400 đồng, IDC tăng 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 200 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 470,38 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 7 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 129,3 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 92,9 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DCM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 54,7 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,04 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 296 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,8 tỷ đồng tương ứng với 310 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NRC với 6,2 tỷ đồng tương ứng với 270 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 7 tỷ đồng tương ứng với 239 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Với phiên giảm rất nhẹ hôm nay thì VN-Index tiếp tục đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên khả năng để chỉ số này hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm trong các phiên tiếp theo là vẫn còn.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.a

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 20/10, VN-Index có thể hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

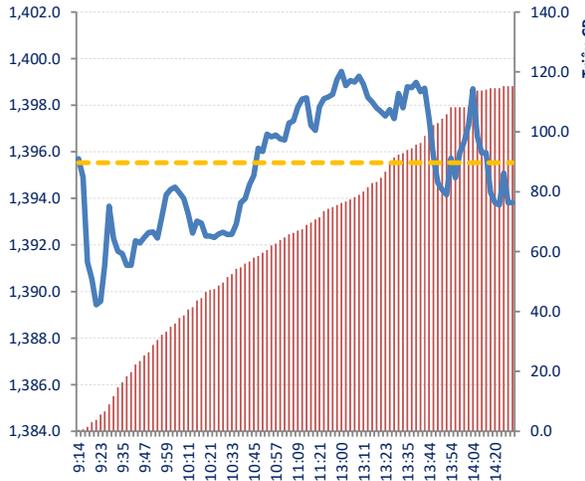
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,25 - 57,95 triệu đồng/lượng, tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 19/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.164 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

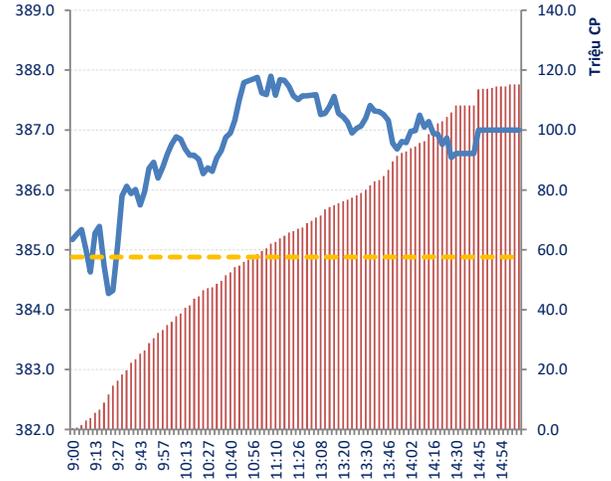
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 17,15 USD/ounce tương ứng với 0,97% lên 1.782,85 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,365 điểm tương ứng 0,39% xuống 93,578 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1655 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3791 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,96 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,75 USD/thùng tương ứng với 0,92% lên 82,44 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/10, Dow Jones giảm 36,15 điểm tương đương 0,1% xuống 35.258,61 điểm. Nasdaq tăng 124,47 điểm tương đương 0,84% lên 15.021,81 điểm. Nasdaq Composite tăng 15,09 điểm tương đương 0,34% lên 4.486,46 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



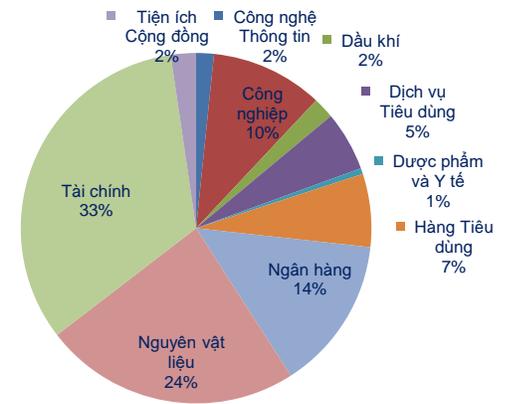
KLGD và HNX-Index trong phiên



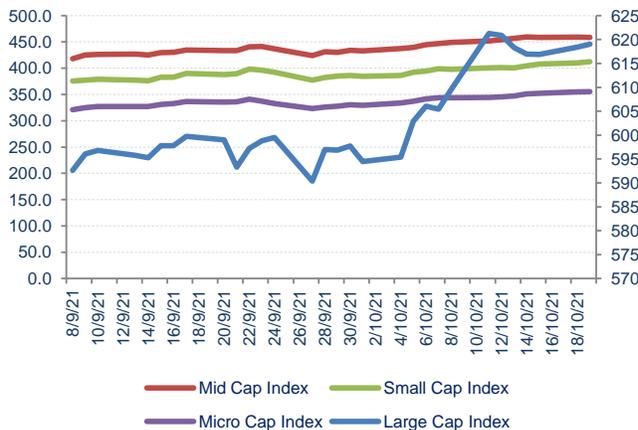
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



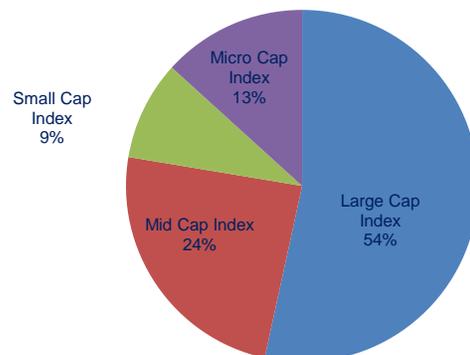
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DCM	1,720,900	HPG	2,248,100
2	DPM	1,178,500	SSI	1,682,600
3	CTG	889,700	PAN	1,598,700
4	FUEVFNVD	698,100	NLG	1,216,300
5	VHC	579,600	VHM	1,171,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	239,200	TNG	309,800
2	DL1	69,900	NRC	269,800
3	NDN	49,100	SD9	66,000
4	PV2	40,500	VNR	58,100
5	CEO	40,400	MAC	32,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
HPG	57.90	57.20	↓	-1.21%	25,800,100
FIT	13.10	13.80	↑	5.34%	15,896,800
TCB	52.90	52.70	↓	-0.38%	15,638,300
SHB	27.60	28.00	↑	1.45%	12,957,400
HQC	4.12	4.15	↑	0.73%	11,930,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
IDC	60.10	61.40	↑	2.16%	7,250,374
TVC	16.90	16.90	→	0.00%	5,438,431
DL1	10.20	11.10	↑	8.82%	5,367,334
PVS	29.50	29.20	↓	-1.02%	4,596,779
KLF	4.70	4.70	→	0.00%	4,554,141

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QBS	4.29	4.59	0.30	↑ 6.99%
SVC	83.00	88.80	5.80	↑ 6.99%
PNC	8.60	9.20	0.60	↑ 6.98%
DC4	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%
SAV	26.60	28.45	1.85	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICG	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
MAC	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
MCO	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
DST	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
MEL	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DRH	21.45	19.95	-1.50	↓ -6.99%
CMV	14.60	13.60	-1.00	↓ -6.85%
BTP	17.60	16.40	-1.20	↓ -6.82%
PDN	101.60	95.00	-6.60	↓ -6.50%
HU3	8.42	7.90	-0.52	↓ -6.18%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHC	79.10	71.20	-7.90	↓ -9.99%
GDW	28.90	26.10	-2.80	↓ -9.69%
ADC	22.50	20.50	-2.00	↓ -8.89%
VXB	15.40	14.10	-1.30	↓ -8.44%
TTT	51.00	46.70	-4.30	↓ -8.43%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	179.07	39.5%	5,614	10.3	3.5
NVL	93.23	12.9%	3,258	31.2	3.8
SSI	81.35	16.5%	2,061	19.8	2.4
VIC	77.23	4.5%	1,600	57.9	2.2
MSN	56.61	7.6%	1,784	80.1	5.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	-61.77	15.3%	1,621	23.0	3.0
AGG	-33.85	18.8%	5,092	9.0	1.5
VHC	-32.76	13.5%	3,956	14.4	1.9
REE	-23.38	13.9%	5,808	12.7	1.5
DPM	-23.12	13.7%	2,915	14.2	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	12.21	10.2%	1,307	29.0	2.9
LHG	4.68	25.9%	6,777	8.2	2.0
ROS	2.62	3.1%	326	16.7	0.5
HCM	2.07	19.2%	2,871	13.5	2.5
DXS	2.01	16.0%	2,911	10.6	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SKG	-4.51	2.1%	289	67.4	1.5
POW	-2.16	7.5%	1,006	12.3	0.9
DGW	-2.13	31.5%	4,387	25.6	3.6
TTF	-1.49	0.0%	(55)	-	-
SHB	-1.40	15.7%	2,045	13.5	2.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	61.77	15.3%	1,621	23.0	3.0
VHM	58.11	36.9%	7,775	10.1	2.7
NLG	37.72	13.2%	3,748	13.2	1.5
AGG	33.74	18.8%	5,092	9.0	1.5
REE	23.38	13.9%	5,808	12.7	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-59.69	4.5%	1,600	57.9	2.2
DCM	-56.12	11.6%	1,431	21.7	2.4
HPG	-49.97	39.5%	5,614	10.3	3.5
VNM	-47.19	31.9%	5,109	17.6	5.5
NBB	-36.45	22.7%	5,027	7.4	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	55.05	11.6%	1,431	21.7	2.4
DPM	51.02	13.7%	2,915	14.2	1.9
VHC	33.34	13.5%	3,956	14.4	1.9
VJC	29.75	1.0%	281	467.6	4.2
CTG	27.64	18.5%	3,414	8.8	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-130.29	39.5%	5,614	10.3	3.5
VHM	-93.73	36.9%	7,775	10.1	2.7
NVL	-70.20	12.9%	3,258	31.2	3.8
SSI	-69.69	16.5%	2,061	19.8	2.4
NLG	-59.70	13.2%	3,748	13.2	1.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	25,800,100	39.5%	5,614	10.3	3.5
FIT	15,896,800	3250.0%	543	24.1	0.8
TCB	15,638,300	21.0%	4,613	11.5	2.2
SHB	12,957,400	15.7%	2,045	13.5	2.0
HQC	11,930,500	0.1%	9	453.1	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	7,250,374	11.3%	1,684	35.7	3.8
TVC	5,438,431	24.2%	4,109	4.1	0.8
DL1	5,367,334	1.8%	198	51.5	0.9
PVS	4,596,779	4.4%	1,187	24.9	1.1
KLF	4,554,141	0.0%	4	1,147.4	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QBS	↑ 7.0%	-5.4%	(501)	-	0.5
SVC	↑ 7.0%	13.1%	6,848	12.1	1.5
PNC	↑ 7.0%	7.3%	1,098	7.8	0.6
DC4	↑ 7.0%	10.6%	1,179	13.4	1.3
SAV	↑ 7.0%	18.8%	3,691	7.2	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ICG	↑ 10.0%	3.6%	567	17.6	0.7
MAC	↑ 10.0%	-2.2%	(254)	-	0.7
MCO	↑ 10.0%	0.3%	35	141.2	0.4
DST	↑ 10.0%	2.0%	195	25.6	0.5
MEL	↑ 10.0%	22.2%	3,037	5.9	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	1,720,900	11.6%	1,431	21.7	2.4
DPM	1,178,500	13.7%	2,915	14.2	1.9
CTG	889,700	18.5%	3,414	8.8	1.2
UEVFN	698,100	N/A	N/A	N/A	N/A
VHC	579,600	13.5%	3,956	14.4	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	239,200	4.4%	1,187	24.9	1.1
DL1	69,900	1.8%	198	51.5	0.9
NDN	49,100	39.3%	5,275	3.9	1.4
PV2	40,500	0.4%	23	232.3	0.9
CEO	40,400	-3.1%	(411)	-	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	356,052	20.6%	5,533	17.4	3.4
VIC	352,363	4.5%	1,600	57.9	2.2
VHM	343,560	36.9%	7,775	10.1	2.7
HPG	258,982	39.5%	5,614	10.3	3.5
GAS	222,975	16.3%	4,178	27.9	4.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,360	33.9%	6,555	35.0	14.1
VCS	21,040	42.1%	10,726	12.3	5.0
KSF	19,860	8.8%	783	84.5	3.3
IDC	18,030	11.3%	1,684	35.7	3.8
BAB	16,494	7.8%	876	25.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.69	22.7%	3,587	17.3	3.5
VDS	2.34	31.0%	3,666	9.8	2.5
IJC	2.23	25.8%	3,971	7.7	2.1
BSI	2.16	17.7%	2,241	14.5	2.4
VIX	2.10	37.3%	4,391	4.6	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBS	3.29	1.2%	140	83.3	1.0
APS	3.28	22.8%	1,923	15.3	2.6
ART	2.93	0.3%	32	313.2	0.9
MBS	2.81	17.0%	1,989	17.0	3.0
PSI	2.60	2.9%	300	43.3	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
